

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2017/HC-ST
Ngày: 16/3/2017
V/v khiếu kiện quyết định
hành Bnh

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: **Ông Vũ Tiến Bằng**
Các Hội thẩm nhân dân: **Ông Nguyễn Ngọc Thắng**
Bà Nguyễn Thị Phẩm

Thư ký phiên tòa: Bà **Phùng Thị Phương Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa:
Bà Đào Thị Kim L – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 3 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh P tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành Bnh thụ lý số: 16/2016/HCST ngày 04 tháng 11 năm 2016 về việc "khiếu kiện quyết định hành Bnh" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2017/QĐST-HC ngày 02/3/2017 giữa các đương sự:

Người khởi kiện:

1. Ông Nguyễn Văn C - sinh năm 1922
Địa chỉ: Thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P
2. Ông Lê Quyết B - sinh năm 1958
3. Bà Vũ Thị N- sinh năm 1936
4. Ông Vũ Văn G- sinh năm 1948
5. Ông Nguyễn Trung TH- sinh năm 1941

Cùng địa chỉ: Thôn 3, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:

- Bà Nguyễn Thị M - sinh năm 1962

Địa chỉ: Thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P(*Có mặt*)

- Bà Trương Thị T - sinh năm 1965

Địa chỉ: Thôn 3, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P(*Có mặt*)

Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện Đoan H, tỉnh P

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Trung K - Chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đoan H, tỉnh P(*Có mặt*)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ L quan:

1. Bà Hoàng Thị L - sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn 3, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ L quan:

Ông Nguyễn Đức Q - sinh năm 1947

Địa chỉ: Thôn 2, xã Tây C, huyện Đoan H, tỉnh P(có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện (do bà Trương Thị T và bà Nguyễn Thị M được ủy quyền) trình bày: Chúng tôi đại diện cho 05 hộ gia đình có hơn 20 ngôi mộ tại nghĩa trang Gò Trầu thuộc thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P. Gia đình chúng tôi đã đặt các phần mộ tại đây từ trước năm 1980. Do các ngôi mộ thường xuyên bị trâu, bò phá nên chúng tôi đã báo cáo UBND xã Vụ Q và đã được tổ công tác giải quyết vào ngày 06/5/2000. Chúng tôi đã đổ cột bê tông và căng dây thép gai làm bờ rào để bảo quản các phần mộ.

Tháng 07/2014 bà Hoàng Thị L thuê máy về san đất tại khu vực quanh nghĩa trang nơi đặt các phần mộ tạo thành taluy giáp với nghĩa trang có độ dốc thẳng đứng cao khoảng 5-10m và làm bật cột bê tông gây nguy C sạt lở các phần mộ. Chúng tôi đã làm đơn gửi lên UBND xã Vụ Q về việc này thì được biết phần đất có các ngôi mộ của gia đình của chúng tôi đã được UBND huyện Đoan H cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị L ở thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P. Chúng tôi đã làm đơn khiếu nại yêu cầu huyện Đoan H giải quyết nhưng vẫn chưa được giải quyết.

Nay đề nghị tòa án hủy một phần quyết định 207/QĐ-UB của UBND huyện Đoan H về việc cấp GCNQSDĐ số V 581893 cho bà Hoàng Thị L ở thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P.

Ý kiến của người bị kiện: Về nguồn gốc diện tích đất bà L đang sử dụng:

Khu vực đất bà L đang sử dụng được cấp GCNQSDĐ đất gồm 02 thửa đất thể hiện tại tờ bản đồ số 6 gồm thửa số 228, diện tích 4.187m²(đất ở 300m², đất vườn 3.887m²) và thửa số 229 diện tích 3.051m²(đất vườn)

Đối với thửa số 228: Đây là diện tích đất do hộ bà L nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Văn Cảnh từ năm 1993. Thửa đất này ranh giới sử dụng rõ ràng và không có tranh chấp.

Đối với thửa số 229: Thửa đất có nguồn gốc do ông Trần Văn Hảo khai phá từ năm 1976. Năm 1977 ông Hảo san nền có ý định cho con làm nhà ở nhưng HTX Vụ Q đã đình chỉ không cho làm nhà ở vị trí này vì đây là đất vườn không được làm nhà. Từ năm 1977 đến năm 1979 ông Nguyễn Văn Tước đã tự ý di chuyển 04 ngôi mộ vào vị trí ông Hảo đã san nền định làm nhà cho con.

Tiếp đó vào những năm 1978 đến năm 1980 các hộ ở thôn 2 và thôn 3 cũng chuyển một số ngôi mộ khác vào vị trí trên. Hiện có hơn 20 ngôi mộ đang nằm tại vị trí ông Hảo đã san nền này. Đến năm 1990 ông Hảo cho con trai là Trần Văn Quyền sử dụng. Năm 1998 anh Quyền chuyển nhượng thửa đất này cho bà Hoàng Thị L.

Về việc cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị L: Năm 2003 thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND huyện Đoan H, UBND xã Vụ Q hướng dẫn các hộ kê khai đăng ký quyền sử dụng đất trong đó có hộ bà Hoàng Thị L đã kê khai đăng ký xin cấp GCNQSDĐ đối với hai thửa đất trên.

Trong quá trình kiểm tra hiện trạng các thửa đất xin cấp GCNQSDĐ, Hội đồng đăng ký đất đai xã Vụ Q đã có thiếu sót là không kiểm tra hiện trạng thửa đất

số 229, diện tích 3.051m^2 . Do vậy đã xét cấp cho bà L 3.051m^2 đất bao gồm cả phần diện tích 288m^2 đất đang chôn cất hơn 20 ngôi mộ của 05 gia đình.

Ngày 06/5/2000 UBND xã Vụ Q đã có biên bản làm việc với các hộ có mộ chôn cất tại vị trí này và đã đo đạc xác định rõ ranh giới diện tích khu mộ. Xong khi cấp GCNQSDĐ thì UBND xã Vụ Q không tách riêng diện tích đất có hơn 20 ngôi mộ mà vẫn xét cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị L bao gồm cả diện tích 288m^2 đang chôn cất hơn 20 ngôi mộ là không đúng với thực tế và quy định của pháp luật.

Hiện tại bà L đã san gạt đất làm nhà ở cho con tạo khoảng cách chênh cao giữa vị trí mặt đất với các ngôi mộ khoảng 2m nhưng chưa gây ảnh hưởng đến các ngôi mộ. UBND xã Vụ Q phối hợp Ban công tác mặt trận thôn 2, thôn 3 tuyên truyền vận động các hộ di chuyển các ngôi mộ về nghĩa trang tập trung(hiện nay UBND xã Vụ Q đã xây dựng khu nghĩa trang tập trung theo quy hoạch nông thôn mới) nhưng các hộ không nhất trí di chuyển các ngôi mộ về khu tập trung.

Tại thửa đất này năm 2000 xảy ra tranh chấp giữa hộ bà L với một số hộ có mộ chôn cất tại vị trí đất này. Do vậy việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà L không đúng với hiện trạng sử dụng đất, ranh giới sử dụng đất không rõ ràng và khi cấp GCNQSDĐ thửa đất này đang có tranh chấp

Quan điểm của UBND huyện Đuan H: Thu hồi GCNQSDĐ để cấp lại cho bà L GCNQSDĐ mới sau khi đã trừ đi 288m^2 đang chôn cất hơn 20 ngôi mộ của 5 gia đình.

Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh P giải quyết theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ L quan bà Hoàng Thị L(do ông Nguyễn Đức Q là đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Năm 2003 gia đình bà L được UBND huyện Đuan H cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất có diện tích 7238m^2 (thửa 228, 229 tại thôn 2 xã Vụ Q, huyện Đuan H). Hiện nay gia đình bà L làm nhà diện tích 200m^2 , đất đồi gò phải san gạt và có taluy. Khu đầu nhà phía nam có một số mộ của gia đình bà M, bà T và các hộ dân khác. Tuy nhiên trong quá trình làm nhà gia đình bà L không làm ảnh hưởng đến các ngôi mộ đó. Do các ngôi mộ gần nhà nên bà L có thỏa thuận với các hộ có các mộ ở đó nếu di dời các ngôi mộ đến nghĩa trang tập trung của xã thì gia đình bà L sẽ hỗ trợ một phần nhưng các hộ không đồng ý.

Bà đã được UBND huyện Đuan H cấp GCNQSDĐ đối diện tích 3.051m^2 do vậy bà không đồng ý việc người khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy GCNQSDĐ của bà.

Đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn C, ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N(ủy quyền cho bà M, bà T tham gia tố tụng).

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quy định của luật tố tụng hành Bnh.

Về nội dung giải quyết vụ án: Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P nhận định: Việc cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị L đối với thửa 229 bao gồm cả diện tích đất 288m^2 đang chôn cất hơn 20 ngôi

mộ của 05 hộ gia đình là không đúng . Hơn nữa thửa đất này đang có tranh chấp vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện hủy một phần quyết định 207/QĐ-UB ngày 05/6/2003 của UBND huyện Đoan H về việc cấp GCNQSDĐ số V 581893 cho bà Hoàng Thị L tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 6 địa chỉ thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh P; lời trình bày của các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính cụ thể là khởi kiện quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của UBND huyện Đoan H cho công dân của huyện vì vậy thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh P.

HĐXX thấy từ trước năm 1980 gia đình ông Nguyễn Văn C, ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N có đặt hơn 20 ngôi mộ tại thửa đất 229 tờ bản đồ 6 xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P.

Năm 2003 bà Hoàng Thị L ở thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H được cấp GCNQSDĐ theo quyết định 207/QĐ-UB ngày 05/6/2003 UBND huyện Đoan H đối với:

- thửa đất số 228; tờ bản đồ số 6; diện tích 4187m²
- thửa đất số 229; tờ bản đồ số 6; diện tích 3051m²

Địa chỉ thửa đất: thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P.

Về nguồn gốc thửa đất số 229; tờ bản đồ số 6; diện tích 3051m²: do năm 1998 bà Hoàng Thị L nhận chuyển nhượng của ông Trần Văn Hảo địa chỉ tại thôn 3, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P.

Năm 2014 khi bà L làm nhà, các hộ dân có mộ đặt tại thửa 229, tờ bản đồ số 6 nhận thấy có nguy cơ sạt lở đất ảnh hưởng đến các ngôi mộ nên đã làm đơn khiếu nại gửi đến UBND xã Vụ Q, huyện Đoan H. UBND xã Vụ Q cho biết thửa đất 229, tờ bản đồ số 6 đã được UBND huyện Đoan H cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị L ở thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H. Các hộ dân có các ngôi mộ tại khu vực trên đã làm đơn khiếu nại đến UBND huyện Đoan H nhưng chưa được giải quyết.

Ngày 17/10/2016 ông Nguyễn Văn C, Ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N ủy quyền cho bà Nguyễn Thị M, bà Trương Thị T khởi kiện đến Tòa án nhân dân tỉnh P, yêu cầu hủy một phần quyết định 207/QĐ-UB ngày 05/6/2003 của UBND huyện Đoan H, tỉnh P về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị L đối với thửa đất 229, tờ bản đồ số 6; diện tích 3051m² tại thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H vì đã cấp cả diện tích 288m² đất có các ngôi mộ cho bà L.

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì thấy:

Về thời hiệu khởi kiện: Bà Hoàng Thị L được UBND huyện Đoan H cấp GCNQSDĐ theo Quyết định 207/QĐ-UB năm 2003 nhưng đến năm 2014 người khởi kiện mới biết UBND huyện Đoan H cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất có

các ngôi mộ cho bà Hoàng Thị L (thể hiện tại Biên bản làm việc ngày 19/9/2014 (BL 57)). Sau khi biết diện tích đất có các ngôi mộ đã được UBND huyện Đoan H cấp cho bà L, người khởi kiện L tục có đơn gửi đến UBND xã Vụ Q, UBND huyện Đoan H nhưng chưa được giải quyết nên người khởi kiện làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy theo quy định tại Điều 116 Luật tố tụng hành Bnh thì yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện đối với Quyết định 207/QĐ-UB ngày 05/6/2003 của UBND huyện Đoan H, tỉnh P về việc cấp GCNQSDĐ cho hộ bà Hoàng Thị L đối với thửa đất 229, tờ bản đồ số 6 tại thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P" là còn thời hiệu khởi kiện.

Về nội dung vụ án: Hiện nay vị trí hơn 20 ngôi mộ của các hộ tại thửa đất 229, tờ bản đồ số 6 thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H theo trích lục bản đồ địa Bnh thu hồi đất (BL 47) có diện tích 288m².

Năm 2003 UBND xã Vụ Q đã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện Đoan H cấp toàn bộ diện tích thửa đất số 229, tờ bản đồ số 6 cho bà Hoàng Thị L mà không trừ đi diện tích 288m² có các ngôi mộ. UBND huyện Đoan H có quan điểm thu hồi GCNQSDĐ của bà Hoàng Thị L để cấp lại GCNQSDĐ sau khi đã trừ đi diện tích 288m² nói trên là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bà Hoàng Thị L cũng thừa nhận gia đình bà L không sử dụng phần đất có các ngôi mộ và gia đình bà L làm nhà cũng không ảnh hưởng gì đến các ngôi mộ.

Thực hiện Bnh sách nông thôn mới hiện nay, UBND xã Vụ Q đã xây dựng nghĩa trang và vận động các hộ dân di chuyển các ngôi mộ về nghĩa trang mới của xã nhưng ông Nguyễn Văn C, ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N không đồng ý và không chấp hành việc di chuyển mộ về nghĩa trang mới.

Việc ông Nguyễn Văn C, ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N đặt các ngôi mộ tại thửa 229 là tự ý, không được C quan nhà nước có thẩm quyền nào cấp đất để đặt mộ. Tuy nhiên việc UBND xã Vụ Q khi lập hồ sơ đề nghị UBND huyện Đoan H cấp GCNQSDĐ cho bà L đã không xem xét trừ đi phần diện tích 288m² mà đề nghị UBND huyện Đoan H cấp GCNQSDĐ cho bà L đối với toàn bộ thửa 229, tờ bản đồ số 6 là không đúng vì diện tích 288m² đang có các ngôi mộ của 05 hộ dân và có tranh chấp.

UBND huyện Đoan H căn cứ vào hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với hộ bà L do UBND xã Vụ Q đề nghị đã cấp GCNQSDĐ cho bà Hoàng Thị L đối với toàn bộ diện tích 3051m² thửa đất số 229; tờ bản đồ số 6 mà không xem xét lại hiện trạng thửa đất, tình trạng tranh chấp là không đúng quy định vì vậy cần phải hủy 1 phần quyết định 207/QĐ-UB ngày 05/6/2003 của UBND huyện Đoan H về việc cấp GCNQSDĐ số V 581893 cho bà Hoàng Thị L tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 6 địa chỉ thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P. Diện tích 288m² đất có các ngôi mộ thuộc quyền quản lý của Nhà nước.

Do vậy HĐXX chấp nhận quan điểm của người bị kiện thu hồi GCNQSDĐ của bà Hoàng Thị L để cấp lại GCNQSDĐ cho bà L sau khi đã trừ đi diện tích 288m² có các ngôi mộ.

Quan điểm đề nghị của đại diện VKSND tỉnh P là có căn cứ được nên được HĐXX chấp nhận.

Yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí hành Bnh sơ thẩm.

UBND huyện Đoan H phải chịu 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hành Bnh sơ thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành Bnh; khoản 1 Điều 34 Pháp lệnh án phí lệ phí tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Văn C, Ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N về việc hủy một phần quyết định 207/QĐ-UB ngày 05/6/2003 của UBND huyện Đoan H, tỉnh P về việc cấp GCNQSDĐ số V 581 893 cho hộ bà Hoàng Thị L đối với thửa đất 229, tờ bản đồ số 6 tại thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P"

Xử: Hủy một phần quyết định 207/QĐ-UB ngày 05/6/2003 của UBND huyện Đoan H, tỉnh P về việc cấp GCNQSDĐ số V 581 893 cho hộ bà Hoàng Thị L đối với thửa đất 229, tờ bản đồ số 6 tại thôn 2, xã Vụ Q, huyện Đoan H, tỉnh P".

Án phí :

Ủy ban nhân dân huyện Đoan H phải chịu 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) án phí hành Bnh sơ thẩm.

Ông Nguyễn Văn C, Ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N không phải chịu án phí hành Bnh sơ thẩm.

Hoàn trả cho Nguyễn Văn C, Ông Lê Quyết B, ông Vũ Văn G, ông Nguyễn Trung TH, bà Vũ Thị N(do bà Nguyễn Thị M và bà Trương Thị T nộp thay) 200.000đ(Hai trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 009656 ngày 27/10/2016 của Cục thi hành án tỉnh P.

Trong thời hạn 15(mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh P;
- THA tỉnh P;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tiến Bằng

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Thắng Nguyễn Thị Phẩm

Vũ Tiến Bằng

- Nơi nhận:***
- VKSND tỉnh P.
 - THA tỉnh P.
 - Người khởi kiện.
 - Người bị kiện.
 - Lưu HS, AV.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Tiến Bằng

